|  |  |
| --- | --- |
|  HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Tây Ninh, ngày tháng năm 2022* |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT** |  |
|  |  |

**NGHỊ QUYẾT**

**quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực**

**không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**KHÓA X KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày …. tháng ….. năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số …../BC-HĐND của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có thường xuyên từ 01 đơn vị vật nuôi trở lên phải ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/20221 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**\* Thuyết minh sự phù hợp:**

Lý do đề xuất đối tượng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có quy mô chăn nuôi từ 01 đơn vị vật nuôi (tương đương 500 kg động vật sống) trở lên phải ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi mới được hưởng chính sách hỗ trợ di dời:

- Chăn nuôi nông hộ quy mô chăn nuôi dưới 01 đơn vị vật nuôi là hình thức tổ chức chăn nuôi ngay tại hộ gia đình, gắn liền với nơi ở, số đầu con chăn nuôi ít, chuồng trại đơn giản, phần lớn làm bằng vật liệu tạm thời, mang tính chất tận dụng, không phải là nguồn thu nhập chính của hộ gia đình.

- Chăn nuôi nông hộ quy mô chăn nuôi dưới 01 đơn vị vật nuôi vẫn có đủ thời gian tiếp tục chăn nuôi cho đến chu kỳ sản suất chăn nuôi kết thúc trước ngày 01/01/2025 và có thời gian chuẩn bị chuyển đổi ngành nghề sản xuất khác phù hợp hơn.

**Điều 2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ**

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

b) Có kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết này chỉ được hưởng hỗ trợ một lần cho từng nội dung hỗ trợ.

b) Việc hỗ trợ được thực hiện nhưng phải đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Hỗ trợ di chuyển chuồng trại, vật nuôi đến địa điểm phù hợp; hỗ trợ tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi được thực hiện khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến khu vực được phép chăn nuôi có xác nhận của UBND cấp xã nơi phải di dời đi và nơi đến.

d) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp được thực hiện khi cơ sở chăn nuôi di dời đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi.

đ) Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không được hỗ trợ.

e) Ngoài các nội dung chính sách nêu trong Nghị quyết này, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và của tỉnh theo quy định nhưng không trùng lắp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

**Điều 3. Hỗ trợ di chuyển chuồng trại, vật nuôi đến địa điểm phù hợp**

1. Trường hợp di chuyển trong phạm vi 10 km

a) Đối với chăn nuôi nông hộ: Hỗ trợ 02 triệu đồng/cơ sở;

b) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Hỗ trợ 03 triệu đồng/cơ sở;

c) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Hỗ trợ 04 triệu đồng/cơ sở;

d) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Hỗ trợ 05 triệu đồng/cơ sở.

2. Trường hợp di chuyển từ trên 10 km đến 30 km

a) Đối với chăn nuôi nông hộ: Hỗ trợ 05 triệu đồng/cơ sở;

b) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Hỗ trợ 06 triệu đồng/cơ sở;

c) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Hỗ trợ 07 triệu đồng/cơ sở;

d) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Hỗ trợ 08 triệu đồng/cơ sở.

3. Trường hợp di chuyển trên 30 km

a) Đối với chăn nuôi nông hộ: Hỗ trợ 07 triệu đồng/cơ sở;

b) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Hỗ trợ 08 triệu đồng/cơ sở;

c) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Hỗ trợ 09 triệu đồng/cơ sở;

d) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Hỗ trợ 10 triệu đồng/cơ sở.

**\* Thuyết minh sự phù hợp:**

Trong 19 tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi có 11 tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ di chuyển với mức hỗ trợ khác nhau; sau khi tham khảo Nghị quyết của các địa phương; cơ quan soạn thảo chọn chính sách của tỉnh Lâm Đồng và dự thảo Nghị định: “Về chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển chăn nuôi đến năm 2030”; các mức hỗ trợ nêu trên khoa học, cụ thể theo phạm vi di chuyển, quy mô chăn nuôi có thể áp dụng vào địa bàn tỉnh.

**Điều 4. Hỗ trợ tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi**

1. Mức hỗ trợ đối với cơ sở chăn nuôi mà chuồng trại tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, ngói là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng)/m2 chuồng trại tại thời điểm ngừng hoạt động, nhưng không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/cơ sở.

2. Mức hỗ trợ đối với các cơ sở chăn nuôi còn lại, mức hỗ trợ là 120.000 đồng (một trăm hai mươi ngàn đồng)/m2 chuồng trại tại thời điểm ngừng hoạt động, nhưng không quá 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng)/cơ sở.

**\* Thuyết minh sự phù hợp**:

Trong 19 tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi có 9 tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi; sau khi tham khảo Nghị quyết của các địa phương; cơ quan soạn thảo chọn chính sách của tỉnh Bình Dương, thành phố Cần Thơ và dự thảo Nghị định “Về chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển chăn nuôi đến năm 2030”; các mức hỗ trợ nêu trên hợp lý có thể áp dụng vào địa bàn tỉnh.

**Điều 5. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi**

Đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tự di dời cơ sở đến khu vực được phép chăn nuôi thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng. Mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/01 tháng/lao động (được quy đổi thành tiền) theo giá do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm hỗ trợ. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:

1. Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở;

2. Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 03 lao động/cơ sở;

3. Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 04 lao động/cơ sở;

4. Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: chủ cơ sở và hợp đồng lao động thực tế tại cơ sở nhưng không quá 10 lao động/cơ sở.

**\* Thuyết minh sự phù hợp**:

Trong 19 tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi có 6 tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc ngừng hoạt động; sau khi tham khảo Nghị quyết của các địa phương; cơ quan soạn thảo chọn chính sách của tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Đắk Nông và dự thảo Nghị định “Về chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển chăn nuôi đến năm 2030”; các mức hỗ trợ nêu trên hợp lý có thể áp dụng vào địa bàn tỉnh.

**Điều 6. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề**

1. Nội dung, danh mục nghề đào tạo, mức chi hỗ trợ đào tạo thực hiện theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Danh mục nghề đào tạo, mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bản tỉnh Tây Ninh.

2. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên.

3. Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đăng ký học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

**\* Thuyết minh sự phù hợp**:

Trong 19 tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi có 6 tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; chính sách này tạo sẽ điều kiện thuận lợi để người dân có cơ sở chăn nuôi bị di dời hoặc ngừng hoạt động tìm được ngành nghề phù hợp để ổn định đời sống.

**Điều 7. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được cân đối trong dự toán ngân sách của tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố hằng năm.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Ngoài các nội dung chính sách được quy định tại Nghị quyết này, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và tỉnh theo quy định, nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày …. tháng …. năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Vụ Pháp chế các bộ: NN&PTNT, TN&MT, KH& ĐT;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- CT, PCT UBND tỉnh;- UBMTTQVN tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; - HĐND, UBND các huyện, thành phố;- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh; TTXVN tại TN;- Lưu: VT, VP ĐĐBQH-HĐND tỉnh. | **CHỦ TỊCH** |